

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãn Văn Việt.

Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L, Bắc Giang II do ông Nguyễn Trường G – Giám đốc đại diện được ủy quyền khởi kiện (Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

Người nhận ủy quyền lại: Ông Hà Duy T – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L, B (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

2. Ông Quách Hữu T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18-10-2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 19/9/2022 bà Đinh Thị Đ có gửi đề nghị vay vốn đến Ngân hàng N, Chi nhánh huyện L - phòng G1 với mục đích vay: Đầu tư làm vườn, chăn nuôi. Sau khi xem xét thẩm định, ngân hàng đã phê duyệt số tiền cho vay là: 200.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV202203711 ngày 19/9/2022. Cho vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 20/9/2022 ngân hàng đã giải ngân số tiền: 200.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ: Ngày 19/9/2023 trả gốc: 200.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2023 bà Đinh Thị Đ không trả được nợ cho ngân hàng. Tổng số tiền bà Đ còn nợ đến ngày 17/10/2023 là 220.021.918 đồng, trong đó: Số tiền gốc: 200.000.000 đồng, số tiền lãi: 20.021.918 đồng. Qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở đến nay bà Đinh Thị Đ vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1- Buộc bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T2, phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2504LAV202203711 ngày 19/9/2022 toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 12/7/2024 là: 246.247.293 đồng; trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng.

2- Bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 phải chịu lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ gốc.

** Tại Bản tự khai, bị đơn là bà Đinh Thị Đ trình bày:*

Bà xác nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 2504LAV202203711 ngày 19/9/2022 giữa ngân hàng và vợ chồng bà như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Do công việc không ổn định nên vợ chồng bà chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền cho ngân hàng. Bà xác nhận tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 12/7/2024 là 246.247.293 đồng như ngân hàng trình bày là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì bà nhất trí trả nợ (bao gồm nợ gốc, nợ lãi quá hạn, lãi phạt do chậm thanh toán nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay) cho ngân hàng. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng trả dần nợ.

Hiện nay ông Quách Hữu T1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ cuối tháng 9/2022 đến nay, không quay trở về địa phương. Gia đình không có thông tin, không liên lạc được với ông T1. Hiện nay gia đình không biết ông T1 đi đâu, làm gì.

** Đối với bị đơn là ông Quách Hữu T1:* Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng khác nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã đăng tin và phát thông báo cho ông Quách Hữu T1 nhưng ông T1 không

tham dự phiên họp, phiên hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông T1 được.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn D trình bày: Tính đến ngày xét xử ngày 23/8/2024 thì bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 246.247.293 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng. Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Đinh Thị Đ trình bày: Nhất trí với tổng số tiền nợ đến ngày 23/8/2024 là: 246.247.293 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng. Tuy nhiên do công việc gia đình của bà gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho trả dần nợ.

- Bị đơn ông Quách Hữu T1 vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố những tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn bà Đinh Thị Đ đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Quách Hữu T1 chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 299, 323, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 30, Điều 227, Điều 228-Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 90, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 12 của Luật Ngân hàng N1; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền là 246.247.293 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng.

Kể từ ngày 24/8/2024, bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận trong Hợp đồng số 2504LAV202203711 ngày 19/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra còn phát biểu về chi phí tố tụng, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện buộc bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích sử dụng vốn vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Căn cứ quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Theo Công văn số 1267/QLXNC ngày 10-5-2024 của phòng Q Công an tỉnh B về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì ông Quách Hữu T1 không có thông tin về xuất cảnh tại Cục Q1. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là ông Quách Hữu T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác nhận của vợ ông T1 là bà Đinh Thị Đ cũng như chính quyền địa phương thì hiện ông Quách Hữu T1 vẫn cư trú tại thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện nay ông T1 đi đâu làm gì gia đình, chính quyền địa phương không được biết. Như vậy ông T1 là người đang có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nhưng đi khỏi địa phương mà không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay cho nguyên đơn biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 - Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3, Điều 39, Điều 227-Bộ luật Tố tụng dân sự được xem là ông T1 cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Quách Hữu T1.

[1.4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa bà Đinh Thị Đ, ông Quách Hữu T1 và Ngân hàng được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Ngân hàng N khởi kiện bị đơn là bà Đinh Thị Đ, ông Quách Hữu T1 do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2504LAV202203711 ngày

19/9/2022. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên xác lập một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy Hợp đồng tín dụng được lập giữa bà Đinh Thị Đ, ông Quách Hữu T1 và Ngân hàng là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực thi hành giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ, ông T1 chưa trả được tiền gốc và đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán khi đến định kỳ hạn trả nợ. Tính đến ngày xét xử ngày 23/8/2024 thì bà Đ, ông T1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 246.247.293 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng. Hội đồng xét xử thấy bà Đ, ông T1 đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc bà Đ, ông T1 phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại các Điều 30, 35, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về lãi suất: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2504LAV202203711 ngày 19/9/2022 thì lãi suất trong hạn gồm: cho vay ngắn hạn: 9,0%/năm trên số dư nợ gốc, lãi suất cho vay trung hạn bằng 10,8% trên số dư nợ gốc; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả. Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Việc tính lãi suất của Ngân hàng được tính theo đúng quy định của hợp đồng, phù hợp với từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất và quy định về áp dụng lãi suất của Ngân hàng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Theo các tài liệu, quyết định về việc ban hành điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng tại từng thời kỳ và đối chiếu với bảng tính lãi thống kê chi tiết của Ngân hàng cung cấp số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử (ngày 23/8/2024) thì bà Đ, ông T1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 246.247.293 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho Ngân hàng, lỗi vi phạm hợp đồng thuộc về bị đơn kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, bà Đ, ông T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng và tiếp tục phải lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 24/8/2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn xin nhận chịu chi phí đăng phát tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147-Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26-Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 12 của Luật Ngân hàng N1; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng N: Buộc bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền là 246.247.293 đồng, gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 34.668.493 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.358.904 đồng; Lãi chậm trả: 3.219.896 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2504LAV202203711 ngày 19/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N phải chịu chi phí đăng phát tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Đinh Thị Đ và ông Quách Hữu T1 phải chịu 12.312.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0006157 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu